

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HS-PT
Ngày 24-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Ngọc

Các Thẩm phán: Bà Trần Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 17/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Phạm Thị P và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện TL, thành phố Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị P sinh ngày 24 tháng 8 năm 1976 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn B, xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn A và bà Phạm Thị K; có chồng và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

2. Cao Văn H (tên gọi khác: Cao Văn T) sinh ngày 02 tháng 01 năm 1984 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn NK, xã TM, huyện TL, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn B, xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn N và bà Trần Thị N; có vợ và

01 con sinh; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

3. Phùng Văn T sinh ngày 04 tháng 3 năm 1963 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K, xã V, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn B và bà Phạm Thị Đ; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

4. Vũ Đức L sinh ngày 10 tháng 8 năm 1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hữu Q và bà Phạm Thị D; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 13 tháng 4 năm 2017, tại nhà của ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị C (đều đã chết) ở Thôn T, xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng do Phạm Thị P quản lý, Tổ công tác Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang các đối tượng Phạm Thị P, Cao Văn H đang nhận và tổng hợp các bảng lô, đề qua máy fax, từ người bán đề thuê chuyển đến và do Phùng Văn T, Vũ Đức L đi thu tại các xã V, TH mang về, thu giữ 54 bảng ghi lô, đề với tổng số tiền ghi trên các bảng là 108.071.000 đồng và 01 máy fax, 01 điện thoại di động.

Trong tổng số 54 bảng ghi lô, đề có 01 bảng do P, H nhận qua fax của một người đàn ông tên BL với số tiền 2.500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được lai lịch, địa chỉ; 30 bảng do những người bán đề thuê trên địa bàn xã HT trực tiếp chuyển đến với số tiền 68.537.000 đồng; 13 bảng do Phùng Văn T thu tại các địa điểm bán đề thuê cho P trên địa bàn xã V chuyển về với số tiền 24.246.000 đồng và 09 bảng do Vũ Đức L thu tại các điểm bán đề thuê trên địa bàn xã TH chuyển về với số tiền là 12.788.000 đồng còn 01 bảng do P lọc riêng các số bao, đề người chơi đánh lớn tại các bảng. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh xác định được 09 người bán đề thuê cho P gồm Nguyễn Thị T, Lê Thị L, Vũ Thị H, Đào Văn T, Vũ Hồng P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L đều ở xã HT, huyện TL; Nguyễn Thị Thanh H, Lương Văn V đều ở xã V, huyện TL. Tại các bảng ghi lô, đề ngày 13 tháng 4 năm 2017 thể hiện bảng đề ghi của Nguyễn Thị T với số tiền 330.000 đồng, bảng đề ghi của Lê Thị L với số tiền 326.000

đồng, bảng đề ghi của Vũ Thị H với số tiền 1.605.000 đồng, bảng đề ghi của Đào Văn T với số tiền 2.832.000 đồng, bảng đề ghi của Vũ Hồng P với số tiền 435.000 đồng, bảng đề ghi của Nguyễn Thị T với số tiền 229.000 đồng, bảng đề ghi của Nguyễn Thị Thanh H với số tiền 1.464.000 đồng, bảng đề ghi của Lương Văn V với số tiền 214.000 đồng và bảng đề ghi của Nguyễn Thị L với số tiền 1.099.000 đồng, tổng số tiền của 09 bảng đề là 8.534.000 đồng. Ngày 21 tháng 6 đến 27 tháng 6 năm 2017, các anh chị T, L, H, T, P, T, L, H và V đã nộp toàn bộ số tiền bán đề được trong ngày 13 tháng 4 năm 2017 để phục vụ hoạt động điều tra 44 người bán đề thuê cho P còn lại hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ.

Ngày 13 tháng 4 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị P và Cao Văn H đều ở Thôn B, xã HT, huyện TL không thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

Ngày 19 tháng 4 năm 2017, Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kiểm tra dữ liệu thông tin còn lưu lại trên máy fax, kết quả thu được 01 danh sách gồm có 03 số thuê bao liên lạc vào ngày 13 tháng 4 năm 2017 của anh Vũ Văn T ở Thôn P, xã Đ, huyện K và anh Phạm Hồng K ở khu 2, thị trấn TL, huyện TL. Các số thuê bao liên lạc qua xác minh đều phục vụ kinh doanh buôn bán đại lý tạp hóa với P không liên quan đến hoạt động tổ chức đánh bạc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Phạm Thị P khai: Khoảng cuối tháng 3 năm 2017, P đứng ra làm chủ đề và thuê khoảng 40 người trên địa bàn các xã V, HT, TH bán đề nhưng không rõ tên tuổi, địa chỉ. P sử dụng ngôi nhà của bố mẹ chồng là ông Vũ Văn H và bà Vũ Thị C (đều đã chết) ở Thôn T, xã HT, huyện TL làm địa điểm nhận, tổng hợp các bảng lô, đề. Ngôi nhà được lắp đặt 01 ống nhựa xuyên qua tường thông vào nhà để những người bán đề thuê chuyển bảng ghi lô, đề đến cho P. P thuê Cao Văn H đến địa điểm trên để cùng P nhận và tổng hợp các bảng lô, đề; thuê Phùng Văn T đi thu các bảng đề của những người bán đề thuê trên địa bàn xã V và Vũ Đức L đi thu các bảng đề trên địa bàn xã TH, H, T và L được P trả công 1.500.000 đồng/tháng. P sử dụng 01 máy fax có số thuê bao 0313.935.379 để nhận bảng đề. Sau đó, P căn cứ vào kết quả Xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày để trả thưởng, đến hôm sau sẽ thanh toán tiền thắng, thua cho những người chơi thông qua người bán đề thuê, với tỷ lệ người chơi số đề thắng cược với số tiền gấp 80 lần số tiền mua đề, người chơi ba càng thắng cược với số tiền gấp 400 lần, người chơi bao thường thắng cược với số tiền gấp 3,4 lần còn xiên đôi thắng cược với số tiền gấp 14 lần, xiên ba thắng cược với số tiền gấp 48 lần và xiên bốn thắng cược với số tiền 180 lần số tiền bỏ ra mua số đề, bao. P trả công cho những người bán đề thuê theo tỷ lệ 15% tổng số tiền ghi đề, 06% tổng số tiền ghi số bao, 25% tổng số tiền ghi số ba càng, 20% tổng số tiền ghi các số bao xiên khác. Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 13 tháng 4 năm 2017, P cùng H đang nhận và

tổng hợp các bảng đề thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang thu giữ 54 bảng lô, đề với tổng số tiền 108.071.000 đồng và 01 máy fax. Ngày 13 tháng 4 năm 2017, P chưa nhận được tiền của những người chơi số đề, nếu không bị bắt căn cứ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, P sẽ thua số tiền 19.309.000 đồng, P trực tiếp thanh toán tiền thắng thua chứ không chuyển bằng cho ai khác. Sau khi thanh toán tiền thắng thua xong P đều hủy hết giấy tờ ghi chép và không có sổ sách theo dõi nên không nhớ trước đó đã nhận bao nhiêu bảng, số tiền là bao nhiêu. Do trước ngày 13 tháng 4 năm 2017, P đều thua nên chưa thu lợi bất chính.

Cao Văn H khai: Khoảng tháng 3 năm 2017, P đứng ra tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, P thuê H và thỏa thuận 17 giờ 50 phút hàng ngày, qua nhà P mang máy fax đến địa điểm cùng P nhận và tổng hợp bảng lô, đề. Ngoài ra còn giúp P đi thanh toán tại các điểm bán thuê khi P bận. Ngày 13 tháng 4 năm 2017, H đang cùng P nhận và tổng hợp bảng lô, đề thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang. H không nhớ trước ngày 13 tháng 4 năm 2017 đã nhận bao nhiêu bảng đề, số tiền là bao nhiêu.

Phùng Văn T khai: Tự được P thuê và giao nhiệm vụ hàng ngày đến các điểm bán đề thuê cho P trên địa bàn xã V, huyện TL để thu bảng lô, đề. Khoảng 18 giờ ngày 13 tháng 4 năm 2017, Tự thu được 13 bảng đề chuyển về cho Phương qua ống nhựa thì bị bắt quả tang. Tự chỉ biết tên không nhớ được lai lịch, địa chỉ của những người bán đề thuê cho P, không nhớ trước ngày bị bắt quả tang đã nhận được bao nhiêu bảng đề.

Vũ Đức L khai: Khoảng tháng 3 năm 2017, P thuê Lợi đi thu các bảng lô, đề từ những người bán đề thuê cho P trên địa bàn xã TH, huyện TL và được trả công 1.500.000 đồng/tháng. Khoảng 18 giờ ngày 13 tháng 4 năm 2017 Lợi thu được 09 bảng đề chuyển về cho P qua ống nhựa thì bị bắt quả tang. Lợi chỉ biết tên không nhớ được lai lịch địa chỉ của những người bán đề thuê cho P, không nhớ trước ngày bị bắt quả tang đã nhận được bao nhiêu bảng đề.

Những người bán đề thuê cho P gồm Nguyễn Thị T, Lê Thị L, Vũ Thị H, Đào Văn T, Vũ Hồng P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thanh H, Lương Văn V khai: Khoảng tháng 3 năm 2017 họ có ghi thuê số đề cho Phạm Thị P để lấy tiền công. Những người mua đề đều là người đi đường không quen biết. Hiện những người bán đề thuê cho P không còn lưu giữ những giấy tờ đã ghi đề trước đó nên không nhớ được số tiền đã ghi là bao nhiêu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018, Toà án nhân dân huyện TL đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội xử phạt: Phạm Thị P 18

tháng tù; Cao Văn H 15 tháng tù; Phùng Văn T 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội xử phạt: Vũ Đức L 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Ngoài ra toà án cấp sơ thẩm còn tuyên hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 01 năm 2018, Toà án nhân dân huyện TL nhận được đơn kháng cáo đề ngày 08 tháng 01 năm 2018 của các bị cáo cùng kháng cáo xin được hưởng án treo. Tiếp đó, các bị cáo sửa đổi, bổ sung nội dung kháng cáo vừa xin giảm nhẹ hình phạt, vừa xin được hưởng án treo với lý do trước khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật của nhà nước và trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp đỡ cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ nội dung vụ án và trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo đã nộp toàn bộ tiền phạt, tiền thu lợi bất chính và xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ chứng minh có thân nhân là người có công với cách mạng.

Tại phiên tòa các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo vừa xin giảm nhẹ hình phạt, vừa xin được hưởng án treo. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị P, Cao Văn H, Phùng Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” và bị cáo Vũ Đức L về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo: bản án sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức án đã tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng. Tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới: Các bị cáo đã nộp tiền phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo Phạm Thị P nộp 15 triệu đồng, bị cáo Cao Văn H nộp 05 triệu đồng, bị cáo Phùng Văn T nộp 05 triệu đồng, bị cáo Vũ Đức L nộp 03 triệu đồng. Các bị cáo đều có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn là lao động chính, bị cáo P có bác ruột là liệt sĩ; bị cáo H có bác là liệt sĩ; bị cáo T có bố mẹ có huân chương kháng chiến chống Pháp, bị cáo là bộ đội phục viên; bị cáo L có bố vợ là thương binh, bác ruột là liệt sĩ, bố đẻ tham gia quân đội. Đây là tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Xét hành vi phạm

tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên không có căn cứ cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho các bị cáo. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tội danh:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 13 tháng 4 năm 2017, Phạm Thị P tổ chức cho những người khác tham gia chơi số đề trái phép với quy mô lớn (số tiền dùng đánh bạc là 108.071.000 đồng). Cao Văn H và Phùng Văn T có hành vi giúp sức cho Phạm Thị P tổ chức đánh bạc với quy mô lớn. Vũ Đức L có hành vi giúp sức cho Phạm Thị P tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi số đề nhưng quy mô không lớn (Số tiền dùng đánh bạc là 12.788.000 đồng). Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Thị P, Cao Văn H, Phùng Văn T đồng phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 và xét xử bị cáo Vũ Đức L phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, vai trò, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và xử phạt bị cáo Phạm Thị P 18 tháng tù, bị cáo Cao Văn H 15 tháng tù, bị cáo Phùng Văn T 12 tháng tù, bị cáo Vũ Đức L 06 tháng tù là thỏa đáng, không nặng.

[3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thị P, Cao Văn H, Phùng Văn T, Vũ Đức L đã nộp đầy đủ tiền phạt, tiền thu lợi bất chính, tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm; các bị cáo đều có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn là lao động chính, bị cáo P có bác ruột là liệt sĩ; bị cáo H có bác là liệt sĩ; bị cáo T có bố mẹ có huân chương kháng chiến chống Pháp, bị cáo là bộ đội phục viên; bị cáo L có bố vợ là thương binh, bác ruột là liệt sĩ, bố đẻ tham gia quân đội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (tương ứng với khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015). Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần giảm cho cả bốn bị cáo

một phần hình phạt là có căn cứ, phù hợp với tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta, nhưng không có căn cứ cho các bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp.

- Về án phí:

[4] Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Về các quyết định khác của bản án sơ thẩm:

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bốn bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện TL, thành phố Hải Phòng về phần quyết định hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị P, Cao Văn H, Phùng Văn T và Vũ Đức L.

- Căn cứ khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội:

+ Xử phạt: Phạm Thị P 15 (Mười lăm) tháng tù, trừ cho P thời gian bị tạm giữ (từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt: Cao Văn H (tên gọi khác: Cao Văn T) 12 (Mười hai) tháng tù, trừ cho Tám thời gian bị tạm giữ (từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Xử phạt: Phùng Văn T 09 (Chín) tháng tù, trừ cho TỰ thời gian bị tạm giữ (từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội:

+ Xử phạt: Vũ Đức L 03 (ba) tháng tù, trừ cho Lợi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 14 tháng 4 năm 2017 đến ngày 21 tháng 4 năm 2017 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù). Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thị P, Cao Văn H, Phùng Văn T, Vũ Đức L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo đã nộp đầy đủ tiền phạt, tiền thu lợi bất chính, tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số AA/2010/3552, AA/2010/3553, AA/2010/3554, AA/2010/3555 ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL, thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của Bản án số 01/2018/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- Chi cục THADS huyện TL;
- Công an huyện TL;
- VKSND huyện TL;
- TAND huyện TL;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 TANDTC;
- PV27 Công an TPHP;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Cao Thành Ngọc